

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐỢT 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TCĐN ngày 02 tháng 7 năm 2026)

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
1	C26CGK0181	Nguyễn Ngọc	Duy	16/06/2007	Nam	Kinh	Mỹ An 1, Xã Mỹ Hòa Hưng, An Giang	Cắt gọt kim loại	8.4	7.9	5.2	21.5	2025	TT	
2	C26CGK0173	Phạm Quốc	Đạt	17/09/2008	Nam	Kinh	Tây Bình A, Xã Phú Hòa, An Giang	Cắt gọt kim loại	7.0	8.7	6.7	22.4	2026	TT	
3	C26CGK0180	Nguyễn Khải	Hoàng	26/07/2008	Nam	Kinh	57/19, Trung An, Phường Mỹ Thới, An Giang	Cắt gọt kim loại	7.7	6.6	9.1	23.4	2026	TT	
4	C26CGK0187	Nguyễn Tấn	Quốc	26/10/2008	Nam	Kinh	Trung Bình Tiến, Xã Vĩnh Trạch, An Giang	Cắt gọt kim loại	5.5	8.3	7.5	21.3	2026	TT	
5	C26CGK0162	Nguyễn Lê Minh	Thông	15/09/2004	Nam	Kinh	138/7, Vĩnh Lợi, Xã Vĩnh Thạnh Trung, An Giang	Cắt gọt kim loại	7.3	7.6	2.0	16.9	2022	TT	
6	C26TĐH0169	Nguyễn Đăng	Khoa	16/03/2008	Nam	Kinh	Vĩnh Hiệp, Xã Vĩnh Trạch, An Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động h	7.4	7.4	6.1	20.9	2026	TT	
7	C26CKT0030	Nguyễn Dương Kim	Quý	22/06/2006	Nam	Kinh	45/5, tổ 2, Khóm Đông Phú, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	5.6	7.3	5.3	18.2	2024	TT	
8	C26CKT0168	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	21/07/2008	Nữ	Kinh	Long Tân, Xã Long Điền, An Giang	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	7.7	8.0	8.4	24.1	2026	TT	
9	C26CNO0176	Võ Quốc	An	08/11/2008	Nam	Kinh	419, Vĩnh Quới, Xã Vĩnh Thạnh Trung, An Giang	Công nghệ ô tô	7.1	8.0	6.0	21.1	2026	TT	
10	C26CNO0161	Lê Thái Hoàng	Anh	17/04/1993	Nam	Kinh	Đông Thịnh 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	8.5	7.3	5.4	21.2	2011	TT	
11	C26CNO0100	Lê Phi	Công	12/04/2001	Nam	Kinh	Sơn Tân, Xã Ốc Eo, An Giang	Công nghệ ô tô	7.9	7.7	6.2	21.8	2019	TT	
12	C26CNO0067	Lê Khánh	Duy	09/04/2007	Nam	Kinh	An Khương, Xã Long Kiến, An Giang	Công nghệ ô tô	8.7	8.6	6.6	23.9	2025	TT	
13	C26CNO0157	Dương Hoàn	Đạt	11/03/2006	Nam	Kinh	đường Trần Nhật Duật, số nhà 72/7, bình nghĩa, Xã Châu Phú, An C	Công nghệ ô tô	7.2	6.9	6.2	20.3	2024	TT	
14	C26CNO0174	Nguyễn Trần An	Đông	31/10/2008	Nam	Kinh	402, Ấp F2, Xã Thạnh Quới, Thành phố Cần Thơ	Công nghệ ô tô	8.4	8.7	7.9	25.0	2026	TT	
15	C26CNO0127	Diệp Ngọc	Hải	04/06/2005	Nam	Kinh	Tân Hiệp A, Xã Thoại Sơn, An Giang	Công nghệ ô tô	7.2	5.1	5.7	18.0	2023	TT	
16	C26CNO0126	Đoàn Lê Thế	Huy	29/07/2007	Nam	Kinh	Tân Thành, Xã An Châu, An Giang	Công nghệ ô tô	5.6	7.2	7.5	20.3	2026	TT	
17	C26CNO0147	Trần Thái	Khang	18/02/2007	Nam	Kinh	Mỹ Thuận, Xã Vĩnh Thạnh Trung, An Giang	Công nghệ ô tô	6.7	7.5	6.7	20.9	2025	TT	
18	C26CNO0093	Trần Khanh Tuấn	Kiệt	22/02/2006	Nam	Kinh	247/19, Châu Long 4, Phường Châu Đốc, An Giang	Công nghệ ô tô	5.3	6.0	7.4	18.7	2024	TT	
19	C26CNO0099	Nguyễn Văn	Lành	21/09/2004	Nam	Kinh	Phú An II, Xã Bình Hòa, An Giang	Công nghệ ô tô	5.4	5.7	4.2	15.3	2022	TT	
20	C26CNO0144	Trương Vũ	Luân	21/12/2007	Nam	Kinh	Tây Khánh 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	6.7	7.2	8.5	22.4	2025	TT	
21	C26CNO0145	Mai Quốc	Nam	14/11/2007	Nam	Kinh	Bình Thạnh 2, Xã Hội An, An Giang	Công nghệ ô tô	8.0	6.7	7.9	22.6	2025	TT	
22	C26CNO0170	Lư Thái	Nguyên	01/08/2008	Nam	Kinh	An Thịnh, Xã An Phú, An Giang	Công nghệ ô tô	8.7	7.6	8.6	24.9	2026	TT	
23	C26CNO0094	Huỳnh Chí	Nguyên	26/05/2005	Nam	Kinh	Hiệp Thạnh, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Công nghệ ô tô	6.9	7.1	6.1	20.1	2023	TT	
24	C26CNO0186	Nguyễn Thành	Nhân	09/03/1998	Nam	Kinh	Hòa Thượng, Xã Chợ Mới, An Giang	Công nghệ ô tô	7.1	5.7	5.4	18.2	2016	TT	
25	C26CNO0057	Chau suôn	ra núth	27/06/2008	Nam	Khmer	tổ 9 vĩnh lập , Ấp Vĩnh lập, Xã An Cư, An Giang	Công nghệ ô tô	6.4	6.5	5.0	17.9	2026	TT	
26	C26CNO0095	Phan Ngọc	Phát	28/05/2004	Nam	Kinh	Bình Đức 5, Phường Bình Đức, An Giang	Công nghệ ô tô	7.0	5.7	6.5	19.2	2022	TT	
27	C26CNO0178	Trương Minh	Phát	05/10/2008	Nam	Kinh	An Thịnh, Xã Hội An, An Giang	Công nghệ ô tô	8.1	9.1	6.8	24.0	2026	TT	
28	C26CNO0047	Võ Thanh	Phương	16/03/2004	Nam	Kinh	340, Ấp Phú Xương, Xã Chợ Vàm, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.6	7.3	7.3	22.2	2022	TT	
29	C26CNO0043	Nguyễn	Quang	16/05/2003	Nam	Kinh	số nhà 202 tổ 8, ấp long định, Xã Long Điền A, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An	Công nghệ ô tô	8.1	6.3	8.7	23.1	2021	TT	
30	C26CNO0022	Lê Minh	Sáng	03/07/2007	Nam	Kinh	35, Tổ 2, Khóm Voi 1, Xã Núi Voi, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Gia	Công nghệ ô tô	3.0	9.0	5.5	17.5	2025	TT	
31	C26CNO0092	Lê Nhật	Tân	21/12/1999	Nam	Kinh	Khóm 6, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	7.0	7.1	8.1	22.2	2017	TT	
32	C26CNO0101	Đỗ Trung	Tín	25/09/2005	Nam	Kinh	Tân Phú, Xã Phú Lâm, An Giang	Công nghệ ô tô	6.5	5.6	6.4	18.5	2023	TT	
33	C26CNO0098	Dương Thái	Toàn	15/02/2005	Nam	Kinh	Phú Lộc, Xã Chợ Vàm, An Giang	Công nghệ ô tô	7.4	7.5	7.2	22.1	2022	TT	
34	C26CNO0179	Trần Võ Thanh	Trí	13/03/2006	Nam	Kinh	183/5C, Đông Thịnh 5, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	6.0	7.0	8.9	21.9	2026	TT	
35	C26CNO0096	Tăng Phổ	Tuấn	29/03/2004	Nam	Kinh	Vĩnh Khánh 2, Phường Vĩnh Tế, An Giang	Công nghệ ô tô	7.3	6.7	8.0	22.0	2022	TT	

STT	MSSV	Họ & tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
								Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
36	C26CNO0024	Nguyễn Văn Tuyên	10/02/2007	Nam	Kinh	Ấp Long Thới A, Xã Long Thuận, Huyện Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ ô tô	6.9	6.6	6.2	19.7	2025	TT	
37	C26CNO0115	Lê Minh Tỳ	26/10/2005	Nam	Kinh	Tây Khánh 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Công nghệ ô tô	7.6	7.0	5.8	20.4	2024	TT	
38	C26CNO0097	Nguyễn Thái Viễn	09/08/2005	Nam	Kinh	Long Phú, Xã Thạnh Mỹ Tây, An Giang	Công nghệ ô tô	5.8	6.2	6.0	18.0	2023	TT	
39	C26CNO0049	Nguyễn Tuấn Vỹ	15/06/2007	Nam	Kinh	số nhà 332, ấp phú hữu 1 , Xã Lê Chánh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	Công nghệ ô tô	7.9	7.5	6.9	22.3	2025	TT	
40	C26CNO0175	Nguyễn Chí Y	19/10/2008	Nam	Kinh	Vĩnh Tiến, Xã Châu Phú, An Giang	Công nghệ ô tô	8.3	8.7	8.7	25.7	2026	TT	
41	C26CĐT0183	ĐỖ TUẤN ANH	03/11/2005	Nam	Kinh	411, Phú Cường , Phường Tịnh Biên, An Giang	Cơ điện tử	6.0	4.9	5.6	16.5	2023	TT	
42	C26CĐT0146	Lê Phan Quốc Bảo	29/04/2006	Nam	Kinh	Bình Khánh 5, Phường Bình Đức, An Giang	Cơ điện tử	5.8	6.5	4.3	16.6	2024	TT	
43	C26CĐT0110	Trương Nhứt Hào	11/05/2005	Nam	Kinh	424, Tầy Hòa B, Xã Tân An, An Giang	Cơ điện tử	8.8	9.4	9.0	27.2	2023	TT	
44	C26CĐT0068	Ngô Anh Kiệt	23/06/2007	Nam	Kinh	168, Phú Hiệp, Xã Tây Phú, An Giang	Cơ điện tử	8.4	8.8	7.8	25.0	2025	TT	
45	C26CĐT0069	Nguyễn Phạm Mạnh Phàm	19/08/2007	Nam	Kinh	484, Sơn Hòa, Xã Óc Eo, An Giang	Cơ điện tử	8.4	9.3	7.5	25.2	2025	TT	
46	C26CĐT0109	Hàn Hồng Thái	01/10/2005	Nam	Kinh	Bình Chiến, Xã Châu Phú, An Giang	Cơ điện tử	8.4	8.7	8.1	25.2	2023	TT	
47	C26ĐCN0120	Nguyễn Hoài An	21/04/2008	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Phường Châu Đốc, An Giang	Điện công nghiệp	7.1	8.4	7.6	23.1	2026	TT	
48	C26ĐCN0085	Phạm Văn Tường Duy	20/03/2006	Nam	Kinh	Bình Tây, Xã Châu Phú, An Giang	Điện công nghiệp	6.3	5.5	5.0	16.8	2024	TT	
49	C26ĐCN0185	Nguyễn Tấn Duy	12/02/2008	Nam	Kinh	Long Quới B, Phường Long Phú, An Giang	Điện công nghiệp	6.5	7.7	7.4	21.6	2026	TT	
50	C26ĐCN0088	Huỳnh Thanh Hải	14/04/2005	Nam	Kinh	Thạnh Hưng, Xã Bình Hòa, An Giang	Điện công nghiệp	7.5	5.8	6.6	19.9	2023	TT	
51	C26ĐCN0087	Huỳnh Văn Hậu	23/04/2003	Nam	Kinh	24/11, Long Mỹ 1, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Điện công nghiệp	7.5	6.4	5.7	19.6	2021	TT	
52	C26ĐCN0112	Châu Quốc Hùng	04/11/2005	Nam	Kinh	Hòa Bình, Phường Châu Đốc, An Giang	Điện công nghiệp	7.8	6.6	6.8	21.2	2026	TT	
53	C26ĐCN0121	Trương Thanh Khang	22/12/2007	Nam	Kinh	187/2, Phụng Thạnh 2, Phường Thuận Hưng, Thành phố Cần Thơ	Điện công nghiệp	7.5	6.9	7.2	21.6	2025	TT	
54	C26ĐCN0160	Trần Nhật Khanh	19/08/2008	Nam	Kinh	Tắc Trúc, Xã Nhơn Hội, An Giang	Điện công nghiệp	6.5	7.3	5.0	18.8	2026	TT	
55	C26ĐCN0086	Lê Vũ Hoàng Khánh	04/11/2004	Nam	Kinh	Hòa Hưng, Phường Thới Sơn, An Giang	Điện công nghiệp	7.0	6.5	7.6	21.1	2022	TT	
56	C26ĐCN0156	Lê Thiên Lộc	22/11/2008	Nam	Kinh	Bình chánh , Xã Châu Phú, An Giang	Điện công nghiệp	8.9	7.0	9.0	24.9	2026	TT	
57	C26ĐCN0064	Trần Quốc Minh	22/01/2006	Nam	Kinh	347, An Quới, Xã Long Kiến, An Giang	Điện công nghiệp	6.6	6.0	5.4	18.0	2024	TT	
58	C26ĐCN0062	Trần Hữu Phước	17/06/2007	Nam	Kinh	119/1/2, Trung 2, Xã Phú Tân, An Giang	Điện công nghiệp	7.8	8.1	3.8	19.7	2025	TT	
59	C26ĐCN0014	Lê Đình Quý	07/04/2007	Nam	Kinh	Số nhà 463, Tổ 12, Ấp Vĩnh Hưng, TT. Vĩnh Thạnh Trung, Châu Phú, An Giang	Điện công nghiệp	6.6	6.5	5.5	18.6	2025	TT	
60	C26ĐCN0034	Nguyễn Minh Sáng	26/08/2008	Nam	Kinh	Số nhà 161, ấp Mỹ Thành, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.1	8.5	6.1	21.7	2026	TT	
61	C26ĐCN0046	Nguyễn Tấn Tài	07/08/2006	Nam	Kinh	171, Ấp long hoà, Xã Long Điền B, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Điện công nghiệp	7.8	7.3	6.0	21.1	2025	TT	
62	C26ĐCN0137	Nguyễn Minh Thâu	07/03/2007	Nam	Kinh	Mỹ Hòa, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Điện công nghiệp	8.2	7.7	9.2	25.1	2025	TT	
63	C26ĐCN0171	Võ Huyền Thoại	18/08/2008	Nam	Kinh	Búng Lớn, Xã Nhơn Hội, An Giang	Điện công nghiệp	6.5	7.3	5.0	18.8	2026	TT	
64	C26ĐCN0125	Nguyễn Thanh Thông	30/08/2006	Nam	Kinh	Bình Phú 1, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Điện công nghiệp	6.7	6.8	6.2	19.7	2024	TT	
65	C26ĐCN0124	Dương Trọng Tín	25/03/2008	Nam	Kinh	Nam Huê, Xã Thoại Sơn, An Giang	Điện công nghiệp	8.4	9.5	7.6	25.5	2026	TT	
66	C26ĐCN0089	Nguyễn Thiện Toàn	06/10/2005	Nam	Kinh	Bình Thới 2, Phường Bình Đức, An Giang	Điện công nghiệp	8.5	8.1	8.5	25.1	2023	TT	
67	C26ĐCN0084	Võ Văn Bảo Toàn	14/05/2005	Nam	Kinh	Khóm 1, Xã Tri Tôn, An Giang	Điện công nghiệp	8.5	8.0	8.6	25.1	2023	TT	
68	C26ĐCN0122	Ngô Thiện Văn	29/01/2005	Nam	Kinh	Bình Phú 1, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Điện công nghiệp	5.6	6.3	5.7	17.6	2024	TT	
69	C26ĐCN0063	Nguyễn Tuấn Vĩ	02/03/2007	Nam	Kinh	Nhơn Ngải, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Điện công nghiệp	7.5	7.0	7.7	22.2	2025	TT	
70	C26ĐCN0090	Nguyễn Văn Việt	31/05/2005	Nam	Kinh	501, Mỹ An, Phường Châu Đốc, An Giang	Điện công nghiệp	7.3	7.7	7.1	22.1	2023	TT	
71	C26ĐTC0028	Trần Thanh Đại	07/09/2007	Nam	Kinh	Số nhà 552, Khóm Long Châu, Phường Long Châu, Tỉnh An Giang	Điện tử công nghiệp	8.2	7.7	6.6	22.5	2025	TT	
72	C26KDN0129	Nguyễn Thị Diễm Châu	13/10/2002	Nữ	Kinh	Mỹ Lợi, Xã Long Kiến, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.6	8.0	7.7	24.3	2020	TT	
73	C26KDN0070	Trần Tổng Huy	22/04/2002	Nam	Kinh	Hòa Tây A, Xã Phú Hòa, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.0	6.5	6.0	18.5	2020	TT	
74	C26KDN0136	Nguyễn Thị Mỹ Hương	09/09/2006	Nữ	Kinh	178/25, Bình Đức 5, Phường Bình Đức, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	7.6	6.7	21.9	2024	TT	
75	C26KDN0114	Phạm Đăng Khoa	01/01/2005	Nam	Kinh	17, Đông Thịnh 9, Phường Long Xuyên, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	6.7	5.9	19.8	2023	TT	

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
76	C26KDN0036	Ngô Quốc Kiệt		29/11/2008	Nam	Kinh	Tổ 12, Số Nhà 595 , Khóm Long Thạnh 1 , Phường Long Sơn, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.3	8.0	8.0	24.3	2026	TT	
77	C26KDN0061	Phạm Anh Kiệt		13/04/2007	Nam	Kinh	Đường Cây Mít, Tổ 8, Khóm Hoà Thuận, Phường Thới Sơn, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.1	7.2	6.9	22.2	2025	TT	
78	C26KDN0158	Nguyễn Thị Thùy Liên		19/08/2003	Nữ	Kinh	Trung Phú 6, Xã Định Mỹ, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.3	8.2	8.1	24.6	2021	TT	
79	C26KDN0132	Trương Thị Mỹ Linh		28/02/2007	Nữ	Kinh	Vĩnh An, Xã Vĩnh Thạnh Trung, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	6.5	6.3	6.4	19.2	2025	TT	
80	C26KDN0135	Đỗ Thị Mỹ Nhân		20/02/2006	Nữ	Kinh	Đông Thạnh, Phường Mỹ Thới, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.4	7.8	5.7	20.9	2026	TT	
81	C26KDN0033	Phan Thị Bình Nhi		15/03/2007	Nữ	Kinh	tổ 31, khóm Bình Đức 6, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	9.0	8.5	8.1	25.6	2025	TT	
82	C26KDN0106	Nguyễn Thiên Nhiên		16/02/2008	Nữ	Kinh	Châu Long 1, Phường Châu Đốc, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.1	7.9	7.6	22.6	2026	TT	
83	C26KDN0032	Nguyễn Thị Huỳnh Như		19/10/2005	Nữ	Kinh	Tổ 10, An Bình, Xã Hội An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.9	9.2	8.3	26.4	2023	TT	
84	C26KDN0131	Nguyễn Thu Thảo		17/10/2005	Nữ	Kinh	Thới Hòa 1, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Kế toán doanh nghiệp	6.9	7.1	7.2	21.2	2024	TT	
85	C26KDN0040	Dương Thị Mai Thảo		16/05/2007	Nữ	Kinh	Số nhà 556, Phú Bình , Xã Phú An, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.0	9.0	7.3	24.3	2025	TT	
86	C26KDN0031	Phạm Thị Bảo Thư		28/03/2007	Nữ	Kinh	Tổ 08, Phú Nhứt, Xã An Phú, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.6	7.0	6.5	21.1	2025	TT	
87	C26KDN0029	Huỳnh Thị Mỹ Tiên		22/02/2005	Nữ	Kinh	Số nhà 260, Ấp Phú Lộc, Xã Phú Thạnh, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.9	8.4	7.8	24.1	2023	TT	
88	C26KDN0060	Nguyễn Quang Tiến		30/04/2004	Nam	Kinh	Số 24, Tân Phú, Xã Phú Lâm, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.8	7.1	6.3	21.2	2022	TT	
89	C26KDN0163	Phùng Thị Trâm		19/08/2005	Nữ	Kinh	Thới Hòa 1, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	Kế toán doanh nghiệp	7.7	9.1	6.3	23.1	2023	TT	
90	C26KDN0155	Trần Thị Cẩm Tú		26/04/2007	Nữ	Kinh	Khóm 1, Xã Tri Tôn, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	8.3	8.6	7.3	24.2	2025	TT	
91	C26KDN0007	Nguyễn Ngọc Lan Vy		01/06/2004	Nữ	Kinh	Khóm An Thới, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.7	7.6	7.1	22.4	2023	TT	
92	C26KDN0167	Huỳnh Anh Vỹ		13/02/2008	Nam	Kinh	70 Phan Văn Bạch, Vĩnh Đông, Phường Vĩnh Tế, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	7.2	7.9	8.2	23.3	2026	TT	
93	C26KDN0130	Ngô Ngọc Mai Xuân		07/11/2007	Nữ	Kinh	Trung Phú 3, Xã Định Mỹ, An Giang	Kế toán doanh nghiệp	9.5	8.5	8.1	26.1	2025	TT	
94	C26KTL0013	Lê Tuấn Anh		02/05/2005	Nam	Kinh	Ấp Kiến Quới 2, Xã Kiến Thành, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.0	7.4	7.8	21.2	2023	TT	
95	C26KTL0138	Trình Quốc Bảo		04/08/2006	Nam	Kinh	Xuân Hòa, Phường Tịnh Biên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.2	5.0	5.4	15.6	2024	TT	
96	C26KTL0143	Nguyễn Minh Cảnh		01/01/1982	Nam	Kinh	Đông Thịnh 9, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	9.0	7.6	7.8	24.4	2022	TT	
97	C26KTL0080	Nguyễn Tuấn Cảnh		23/05/2005	Nam	Kinh	Long Thành, Xã Thạnh Mỹ Tây, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.0	7.1	5.9	20.0	2023	TT	
98	C26KTL0072	Đồng Quốc Chiến		09/06/2002	Nam	Kinh	Cây Gòn, Xã Vĩnh Gia, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.5	6.4	5.0	16.9	2020	TT	
99	C26KTL0165	Phùng Văn Chiến		07/10/2008	Nam	Kinh	Bình Phú 1, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.3	8.4	5.7	22.4	2026	TT	
100	C26KTL0140	Lương Thành Đạt		04/09/2007	Nam	Kinh	Mỹ Thạnh, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.8	6.4	6.8	20.0	2025	TT	
101	C26KTL0001	Thái Tuấn Đạt		26/04/2007	Nam	Kinh	Mỹ Quý , Thị trấn Mỹ Luông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.6	8.5	8.1	24.2	2025	TT	
102	C26KTL0119	Nguyễn Văn Đăng		05/02/2004	Nam	Kinh	Tân Thạnh, Xã Cô Tô, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	4.3	4.4	3.5	12.2	2026	TT	
103	C26KTL0082	Phạm Văn Lý Hải		30/12/2004	Nam	Kinh	Long Phú, Xã Thạnh Mỹ Tây, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.2	6.4	5.9	19.5	2023	TT	
104	C26KTL0002	Phạm Lý Hải		15/08/2005	Nam	Kinh	214/4, Bình Quới, Xã Bình Phước Xuân, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.8	7.1	8.4	23.3	2023	TT	
105	C26KTL0074	Nguyễn Nhứt Hòa		04/06/2005	Nam	Kinh	Mỹ Phú, Xã Long Kiến, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.8	6.9	7.1	21.8	2023	TT	
106	C26KTL0078	Nguyễn Văn Hộ		19/10/2003	Nam	Kinh	Tân Thạnh, Xã Vĩnh An, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.5	5.5	5.1	16.1	2021	TT	
107	C26KTL0142	Nguyễn Gia Khang		22/12/2007	Nam	Kinh	Khóm 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	9.3	9.1	9.0	27.4	2025	TT	
108	C26KTL0123	Nguyễn Văn Linh		16/05/2008	Nam	Kinh	Phú Cường A, Xã Chợ Vàm, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.3	7.4	6.3	22.0	2026	TT	
109	C26KTL0166	Huỳnh Văn Phước Lộc		07/07/2008	Nam	Kinh	Bình Phú 1, Xã Bình Thạnh Đông, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.5	7.9	7.3	21.7	2026	TT	
110	C26KTL0081	Lê Văn Mến		08/04/2005	Nam	Kinh	Thái Hưng, Xã Sơn Kiên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.1	6.3	4.7	18.1	2023	TT	
111	C26KTL0177	Nguyễn Lê Tấn Nam		09/03/2008	Nam	Kinh	576/29, Bình Thới 2, Phường Bình Đức, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.1	7.1	9.7	23.9	2026	TT	
112	C26KTL0076	Phạm Hữu Nghĩa		18/05/2005	Nam	Kinh	An Thạnh, Xã An Phú, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.4	6.9	6.9	20.2	2023	TT	
113	C26KTL0141	Huỳnh Văn Phong		13/07/2006	Nam	Kinh	Tân Thạnh, Xã Cô Tô, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.5	4.5	5.6	15.6	2024	TT	
114	C26KTL0172	Nguyễn Kiến Quốc		04/05/2008	Nam	Kinh	369, Trung Bình, Xã Thoại Sơn, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6.6	7.0	8.4	22.0	2026	TT	
115	C26KTL0075	Nguyễn Phúc Quy		15/07/2005	Nam	Kinh	Tây Sơn, Phường Thới Sơn, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.9	5.8	5.9	17.6	2023	TT	

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
116	C26KTL0083	Nguyễn Tấn Sang		03/08/2005	Nam	Kinh	Mỹ Thành, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.3	6.0	6.1	19.4	2023	TT	
117	C26KTL0066	Mai Văn Tài		09/05/2005	Nam	Kinh	An Lạc, Xã Long Kiên, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.6	8.9	8.1	25.6	2023	TT	
118	C26KTL0139	Nguyễn Hữu Thành		13/05/2005	Nam	Kinh	Bình Đức 2, Phường Bình Đức, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.1	6.2	6.9	18.2	2023	TT	
119	C26KTL0044	Phan Trí Thức		21/06/2006	Nam	Kinh	257 Trường Sa, Hoà Phú 3, Xã An Châu, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.4	7.2	8.8	24.4	2024	TT	
120	C26KTL0053	Nguyễn Hoài Thương		10/10/2006	Nam	Kinh	Số nhà 522, Ấp Hòa Lợi, Xã Hòa Lạc, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.2	7.3	7.5	23.0	2024	TT	
121	C26KTL0009	Võ Đức Tinh		24/11/2004	Nam	Kinh	648, Ấp khánh hoà, Xã Khánh Hòa, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	8.8	9.1	7.8	25.7	2022	TT	
122	C26KTL0073	Trần Nhật		26/10/2003	Nam	Kinh	Vĩnh Tây, Xã An Cư, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5.7	4.4	5.1	15.2	2020	TT	
123	C26KTL0065	Phạm Nhã Tuấn		27/04/2007	Nam	Kinh	Mỹ Khánh 1, Xã Mỹ Hòa Hưng, An Giang	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	7.1	6.8	6.5	20.4	2025	TT	
124	C26KLR0113	Dương Thuận Khang		17/04/2007	Nam	Kinh	Đông Bình Nhất, Xã An Châu, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	5.6	6.9	5.0	17.5	2025	TT	
125	C26KLR0188	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt		31/05/2008	Nam	Kinh	Bình Hưng 1, Xã Bình Mỹ, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.7	8.1	7.0	23.8	2026	TT	
126	C26KLR0058	Nguyễn Hữu Lễ		27/12/2008	Nam	Kinh	Số nhà 76Tổ 3 , Ấp Nhơn Hiệp , Xã Nhơn Mỹ, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	8.1	6.1	6.5	20.7	2026	TT	
127	C26KLR0102	Lương Trần Mẫn		17/11/2007	Nam	Kinh	Bình Long 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	7.9	5.7	7.8	21.4	2025	TT	
128	C26KXD0148	Nguyễn Thị Kim Cương		18/05/2006	Nữ	Kinh	51/9A, Trung Hưng, Phường Mỹ Thới, An Giang	Kỹ thuật xây dựng	7.5	7.8	8.7	24.0	2025	TT	
129	C26KXD0182	Nguyễn Thị Mỹ Dung		10/06/2002	Nữ	Kinh	Vĩnh An, Xã Châu Thành, An Giang	Kỹ thuật xây dựng	5.9	6.6	5.6	18.1	2020	TT	
130	C26KXD0042	Nguyễn Quốc Duy		01/12/2008	Nam	Kinh	299, Ấp Quốc Phú, Xã Quốc Thái, Huyện An Phú, Tỉnh An Giang	Kỹ thuật xây dựng	7.0	7.9	6.7	21.6	2026	TT	
131	C26KXD0184	Đào Minh Sang		10/01/2008	Nam	Kinh	842, Mỹ Phó, Xã Mỹ Đức, An Giang	Kỹ thuật xây dựng	7.6	8.6	8.2	24.4	2026	TT	
132	C26LTM0079	Trần Trung Kiên		30/11/2005	Nam	Kinh	Bình Nghĩa, Xã Châu Phú, An Giang	Lập trình máy tính	6.8	7.1	7.6	21.5	2024	TT	
133	C26LTM0134	Phạm Vĩnh Kỳ		19/07/2004	Nam	Kinh	Mỹ Khánh 2, Xã Mỹ Hòa Hưng, An Giang	Lập trình máy tính	6.5	6.7	6.1	19.3	2022	TT	
134	C26LTM0159	Nguyễn Quốc Nguyên		03/11/2008	Nam	Kinh	18 Đào Duy Anh, Đông Thịnh 3, Phường Long Xuyên, An Giang	Lập trình máy tính	6.2	6.7	7.6	20.5	2026	TT	
135	C26LTM0133	Nguyễn Thanh Nhân		04/10/2007	Nam	Kinh	Hòa Thành, Xã An Châu, An Giang	Lập trình máy tính	6.5	4.8	4.8	16.1	2025	TT	
136	C26LTM0118	Lê Minh Phúc		12/01/2007	Nam	Kinh	Mỹ Thiện, Xã Mỹ Đức, An Giang	Lập trình máy tính	8.0	8.3	7.4	23.7	2026	TT	
137	C26LTM0091	Võ Văn Quý		25/04/2000	Nam	Kinh	Tân Hiệp A, Xã Óc Eo, An Giang	Lập trình máy tính	6.3	6.3	5.3	17.9	2019	TT	
138	C26LTM0103	Mai Lý Ngọc		16/09/2005	Nữ	Kinh	Hòa Phú 4, Xã An Châu, An Giang	Lập trình máy tính	6.4	5.7	7.4	19.5	2023	TT	
139	C26MTT0117	Nguyễn Thị Bảo Hà		29/05/2006	Nữ	Kinh	Phú Hiệp, Xã Chợ Vàm, An Giang	May thời trang	8.6	8.2	8.4	25.2	2025	TT	
140	C26MTT0154	Phạm Thị Ngọc Nhi		25/01/2008	Nữ	Kinh	Tân Tuyển, Xã Cô Tô, An Giang	May thời trang	6.4	6.7	6.9	20.0	2026	TT	
141	C26MTT0153	Lưu Thị Mỹ Qui		17/08/2006	Nữ	Kinh	Long Phú, Xã Nhơn Mỹ, An Giang	May thời trang	8.3	7.4	6.5	22.2	2026	TT	
142	C26MTT0050	Lưu Thị Mỹ Quý		17/08/2006	Nữ	Kinh	Số nhà 368, Ấp Long Phú , Xã Nhơn Mỹ, An Giang	May thời trang	7.6	7.8	5.4	20.8	2024	TT	
143	C26MTT0027	Nguyễn Thị Minh Sang		10/08/2007	Nữ	Kinh	Số 78, Ấp Mỹ Thạnh, Xã Mỹ Hội Đông, Tỉnh An Giang	May thời trang	8.9	8.6	7.1	24.6	2025	TT	
144	C26QDL0111	Trần Vĩnh An		06/07/2001	Nam	Kinh	56, Tây Sơn, Xã Thoại Sơn, An Giang	Quản trị du lịch MICE	6.6	6.5	6.4	19.5	2019	TT	
145	C26QDL0152	Trần Vương Gia Bảo		18/05/2007	Nam	Kinh	210 Trần Phú, Phú Hữu, Xã Phú Hòa, An Giang	Quản trị du lịch MICE	8.0	6.1	7.1	21.2	2025	TT	
146	C26QDL0052	Huỳnh trung Hiếu		13/09/2006	Nam	Khmer	Tổ 3 khóm 2, Phường Chi Lăng, An Giang	Quản trị du lịch MICE	8.0	7.1	6.3	21.4	2024	TT	
147	C26QDL0105	Trần Vĩnh Khang		14/09/2007	Nam	Kinh	Bắc Sơn, Xã Thoại Sơn, An Giang	Quản trị du lịch MICE	7.3	6.5	6.8	20.6	2026	TT	
148	C26QDL0128	Trần Phan Hoàng Lam		18/12/2003	Nữ	Kinh	Bình An, Xã Châu Phú, An Giang	Quản trị du lịch MICE	9.1	7.7	7.3	24.1	2021	TT	
149	C26QNH0025	Đỗ Thị Thùy Dương		14/07/2006	Nữ	Kinh	Kiến Quới 1, Xã Kiến Thành, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	7.7	8.7	6.4	22.8	2024	TT	
150	C26QNH0048	Nguyễn Thành Đạt		03/03/2007	Nam	Kinh	199/41, Đông Thịnh 8, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Quản trị nhà hàng	6.7	4.9	7.1	18.7	2025	TT	
151	C26QNH0151	Nguyễn Thị Ngọc Hân		12/05/2007	Nữ	Kinh	727, Bình Thạnh 2, Xã Hội An, An Giang	Quản trị nhà hàng	7.7	9.0	9.0	25.7	2025	TT	
152	C26QNH0164	Lâm Mai Phúc Hậu		15/10/2008	Nam	Kinh	Vĩnh Đông 2, Phường Vĩnh Tế, An Giang	Quản trị nhà hàng	6.7	8.8	7.1	22.6	2026	TT	
153	C26QNH0104	Phùng Thị Thùy Lâm		25/10/2007	Nữ	Kinh	Tổ 10, Ấp Vĩnh Lợi 2, Xã Châu Phong, An Giang	Quản trị nhà hàng	8.3	9.1	7.7	25.1	2025	TT	
154	C26QNH0116	Nguyễn Phan Ngọc Nhi		21/10/2008	Nữ	Kinh	Thạnh Nhơn, Xã Bình Hòa, An Giang	Quản trị nhà hàng	7.0	7.7	5.4	20.1	2026	TT	
155	C26QNH0149	Huỳnh Hồ Tiến Tài		17/02/2008	Nam	Kinh	68 Nguyễn Thị Minh Khai, Vĩnh Tây 2, Phường Vĩnh Tế, An Giang	Quản trị nhà hàng	6.4	9.0	7.8	23.2	2026	TT	

STT	MSSV	Họ & tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu	Ngành nghề	Điểm xét tuyển				Năm Tốt nghiệp	Kết quả	Ghi chú
									Môn 1	Môn 2	Môn 3	Tổng điểm			
156	C26QNH0150	Hồ Huỳnh Tiến	Tài	17/02/2008	Nam	Kinh	68 Nguyễn Thị Minh Khai, Vĩnh Tây 2, Phường Vĩnh Tế, An Giang	Quản trị nhà hàng	6.4	9.0	7.8	23.2	2026	TT	
157	C26QNH0108	Dương Chí	Thiện	23/12/2007	Nam	Kinh	Bình Thới 3, Phường Bình Đức, An Giang	Quản trị nhà hàng	8.2	6.5	6.1	20.8	2025	TT	
158	C26QNH0107	Lê Phước	Thọ	07/02/2004	Nam	Kinh	Xuân Bình, Phường Tịnh Biên, An Giang	Quản trị nhà hàng	6.5	5.7	5.4	17.6	2022	TT	
159	C26QNH0011	Võ Thị Cẩm	Tiên	17/04/2006	Nữ	Kinh	Số nhà 66, tổ 14, Ấp Mỹ Hóa 2, Xã Tân Hòa, Huyện Phú Tân, Tỉnh An G	Quản trị nhà hàng	8.0	7.8	6.8	22.6	2024	TT	
160	C26QNH0071	Nguyễn Nhật	Tiến	13/02/2007	Nam	Kinh	Phú Hòa, Xã Tây Phú, An Giang	Quản trị nhà hàng	6.1	5.6	5.5	17.2	2025	TT	
161	C26QNH0077	Nguyễn Diệp Quốc	Trung	05/09/2004	Nam	Kinh	Bình Khánh 2, Phường Bình Đức, An Giang	Quản trị nhà hàng	7.4	7.4	7.7	22.5	2022	TT	

Tổng cộng danh sách có 161 học sinh trúng tuyển.